TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2023/HNGĐ-PT
Ngày 23-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long.

Các Thẩm phán: Ông: Trương Quyết Thắng

Ông Chu Văn Thanh

Thư ký Tòa án: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LC

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh LC xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh LC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐ-PT ngày 12/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/QĐ-PT ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị TTHT - Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC - Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Anh TMH- Luật sư.

Địa chỉ: Số 007, phố Tán Thuật, phường CL, thành phố LC, tỉnh LC- Có mặt.

2. Bị đơn: Anh ĐTS - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC - Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn: Anh ĐTS.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị TTHT trình bày

Về hôn nhân:

Chị và anh ĐTS đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã SH, huyện BT, tỉnh LC trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dậy con chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh ĐTS.

Về con chung: Chị T, anh S xác nhận anh chị có hai người con chung là cháu ĐTM, sinh ngày 14/11/2012 và cháu ĐNK, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh S. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu K, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu chia tài sản

Bị đơn anh ĐTS trình bày:

Về hôn nhân: Anh ĐTS nhất trí với trình bày của chị TTHT trình bày về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Hiện nay các cháu đang ở cùng anh S. Khi ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh S yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Cụ Thể.

- Diện tích đất là 147,0 m^2, đất đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh LC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/3/2018 mang tên bà TTHT, số vào sổ cấp GCN: CS 02722; địa chỉ Lô số 18, đường D4, LK 19A, khu Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả Sông Hồng, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC. Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây 2 tầng.

- Số tiền cho chị H và anh Hoàng Văn Th vay nợ chung vào ngày 27/12/2018 là 400.000.000 đồng.

-Về công nợ chung: Vay của chị gái anh S là chị Đỗ Hải T số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi trừ đi khoản nợ chung trả cho chị Đỗ Hải T số tiền 150.000.000 đồng thì anh S đề nghị Tòa án chia đôi khối tài sản trên cho anh S và chị T mỗi người được một nửa, anh S có nguyện vọng được sử dụng nhà đất và trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị T.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện BT quyết định:

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm g khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 1 Điều 192; Điều 218, Điều 219; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị TTHT và anh ĐTS.

2. Về con chung: Xử giao cháu ĐTM, sinh ngày 14/11/2012 cho chị TTHT trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục và giao cháu ĐNK, sinh ngày 31/10/2017 cho anh ĐTS trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị TTHT và anh ĐTS đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, chị T và anh S đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của anh ĐTS. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại vụ án.

4. Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự

Ngày 24/02/2023, anh Đỗ Tiến S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con khi ly hôn, chia tài sản sau ly hôn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu ĐTM, ĐNK cho anh ĐTS được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu chia tài sản chung là đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của hai vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh ĐTS giữ nguyên nội dung kháng cáo; Nguyên đơn chị TTHT, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh TMH giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án

đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh ĐTS, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh LC, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh ĐTS có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị TTHT và anh ĐTS đều xác nhận tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đều có mặt. Tòa án sơ thẩm Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị TTHT và anh ĐTS là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh ĐTS yêu cầu Tòa án giao cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là ĐTM, sinh ngày 14/11/2012 và cháu ĐNK, sinh ngày 31/10/2017 đến tuổi trưởng thành:

[3.1] Xét điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của chị T và anh S:

Quá trình giải quyết vụ án, tại cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chứng cứ chứng minh điều kiện khả năng kinh tế, điều kiện khả năng nuôi dạy con chung, thu nhập hàng tháng để xem xét về điều kiện để nuôi con theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: Nguyên đơn chị TTHT cung cấp xác nhận thu nhập nơi làm việc tại công an huyện BT, tỉnh LC có mức thu nhập 10.066.440đ/tháng ; Anh ĐTS cung cấp đơn xin xác nhận thu nhập đang làm việc tại cơ sở nhôm kính sắt Inox Nga Sơn - Địa chỉ: Số nhà 48, đường Hoàng Sào, tổ dân phố PT1, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC nơi anh đang làm việc có mức thu nhập 10.500.000đ/tháng. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn anh ĐTS đã cung cấp thêm giấy xác nhận việc chăm sóc, đưa đón con, đóng góp học phí đầy đủ tại Trường Mầm non BM, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC. Xét thấy, về nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thuộc trách nhiệm của cả hai anh chị, nên việc ai là

người đưa đón và đóng học phí cho con không ảnh hưởng đến quá trình trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con cái sau này.

Về điều kiện vật chất cũng như các điều kiện khác để trực tiếp nuôi con. Anh S chứng minh thu nhập khoảng 10.500.000đ/tháng, tuy nhiên đây là mức thu nhập sẽ khó khăn, không đảm bảo về điều kiện vật chất khi trực tiếp nhận nuôi hai cháu. Anh cho rằng, từ khi ly thân hai cháu ĐTM và cháu ĐNK sống cùng anh S nên anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai cháu. Tuy nhiên, sau khi sống ly thân, chị T vẫn thường xuyên tới thăm nom hai con. Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên Cháu ĐTM có nguyện vọng ở với mẹ (BL28), ngoài ra cháu ĐTM là con gái, cần được sự chia sẻ, quan tâm chăm sóc, giáo dục từ người mẹ nên việc giao cháu M cho chị T, giao cháu K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho hai cháu.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh ĐTS đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu ĐTM và cháu ĐNK nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh khả năng kinh tế cũng như các điều kiện khác để nuôi dậy cả hai cháu. Chị T có đủ điều kiện tốt để trực tiếp nuôi con và cũng chưa bị hạn chế quyền của người làm mẹ. Vì vậy, kháng cáo của anh S là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung khi ly hôn.

[4.1] Đối với các khoản vay nợ chung, anh S không kháng cáo nên không xem xét giải quyết.

[4.2] Đối với nhà đất tại địa chỉ Lô số 18, đường D4, LK 19A, khu Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả Sông Hồng, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC. Tại cấp sơ thẩm, Văn phòng đăng ký đất đai huyện BT đã cung cấp cho cấp sơ thẩm 03 hồ sơ pháp lý đối với biến động thửa đất mang tên TTHT. Xét thấy hiện nay diện tích đất anh S đang đề nghị Tòa án chia tài sản đã đăng ký biến động tặng cho chị H, sau đó chị Tô Lan Hương đã chuyển nhượng cho anh Dương Văn THH. Anh S chưa chứng minh được đó là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu của anh S về việc chia tài sản chung theo điểm g khoản 1 Điều 217; điểm b, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng: Anh ĐTS phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh LC:

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị TTHT và anh ĐTS.

1.2. Về con chung: Giao cháu ĐTM, sinh ngày 14/11/2012 cho chị TTHT trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục và giao cháu ĐNK, sinh ngày 31/10/2017 cho anh ĐTS trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị TTHT và anh ĐTS đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, chị T và anh S đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của anh ĐTS. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại vụ án.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản đối với nhà đất tại địa chỉ Lô số 18, đường D4, LK 19A, khu Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả Sông Hồng, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh ĐTS phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Xác nhận anh ĐTS đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC - 21P số 0003232 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh LC.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh LC (2);
- TAND huyện BT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện BT;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

Đặng Phi Long